

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày 02-7-2021
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Hoa.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST- DS, ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số A, Đường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trang Thành T; địa chỉ: Ngân hàng T – Chi nhánh L; địa chỉ: Đường Đ, Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2021) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Thạch Thị V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trang Thành T trình bày:

Ngày 17/11/2015, bà Thạch Thị V có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu

này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.721.668 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 23 của điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 25/12/2019, bà V còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 5.385.237 đồng; lãi quá hạn: 6.454.735 đồng; tổng cộng: 11.839.972 đồng (mười một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Do đó

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ngân hàng T yêu cầu bà Thạch Thị V trả số tiền nợ gốc là 5.385.237 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/12/2019 là 6.454.735 đồng, tổng cộng là 11.839.972 đồng (mười một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) và lãi phát sinh từ ngày 26/12/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T yêu cầu bà V hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 5.385.237 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2021 là 9.667.630 đồng; tổng cộng 15.052.867 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/7/2021 cho đến ngày bà V trả hết nợ cho Ngân hàng.

- *Bị đơn bà Thạch Thị V*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà V nhưng bà V không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T vẫn giữ nguyên về yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng và tiền lãi phát sinh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Thạch Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Thạch Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, ông Trang Thành T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng T yêu cầu bà Vinh hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 5.385.237 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2021 là 9.667.630 đồng; tổng cộng là 15.052.867 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/7/2021 cho đến ngày bà V trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người diện hợp pháp của nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/11/2015 xác định là có việc Ngân hàng T có hợp đồng làm thẻ tín dụng cho bà Thạch Thị V với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng được thể hiện qua giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng giữa ngân hàng với bà V. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng T không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng T:

Vào ngày 17/11/2015, Ngân hàng T có hợp đồng cho bà Thạch Thị V vay hạn mức tín dụng số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng các nhân, lãi suất vay 2,15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.721.668 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Bà V trực tiếp ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/11/2015, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; phù hợp quy định tại các Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 402, Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005, tương ứng các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401 và áp dụng khoản 1 Điều

688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.000.000 đồng, cho nên có đủ căn cứ xác giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Bà V thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy bà V là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà V chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 5.385.237 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2021 là 9.667.630 đồng; tổng cộng là 15.052.867 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà V trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Thạch Thị V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 402, Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu bà Thạch Thị V có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng T.

Buộc bà Thạch Thị V có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T tổng số tiền gốc và lãi 15.052.867 đồng (mười lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ vốn gốc 5.385.237 đồng, nợ lãi quá hạn 9.667.630 đồng.

Kể từ ngày 03/7/2021 bà V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà bà V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 752.643 đồng (bảy trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0065056 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng